

# ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

## QUYỂN 52

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 53 trong kinh)

**Đoạn 3:** Từ “Thập chủng lực trì...” trở xuống có ba mươi môn, giải đáp ba mươi câu hỏi về Thập Hạnh trước đây.

Cổ đức phân ra ba: Một- Có sáu môn trình bày về Hạnh của Đại chí rộng xa; Hai- Từ “Thập chủng bất tư nghị...” trở xuống có chín môn, trình bày về Hạnh thuộc nghiệp dụng của Định-Tuệ; Ba- Từ “Thập chủng viên lâm...” trở xuống có mười lăm môn, trình bày về Hạnh thuộc Đức đầy đủ thành tựu trọn vẹn.

Nhưng dựa theo viên dung thì ý này không phải là không có lý. Nay không làm hỏng thứ tự, cũng theo thứ tự hiển bày về Hạnh trong Thập Hạnh: Hạnh thứ nhất có ba môn, Hạnh thứ hai-thứ ba đều có một môn, Hạnh thứ tư có hai môn, Hạnh thứ năm có sáu môn, Hạnh thứ sáu-thứ bảy-thứ tám-thứ chín đều có hai môn, Hạnh thứ mười có chín môn. Đến văn sẽ biết.

Sở dĩ dùng môn nhiều-ít, bởi vì Bố thí ở đầu tiên cho nên có đủ ba môn, Giới-Nhẫn bao gồm thế gian cho nên chỉ có một môn, Định-Tuệ thù thắng bậc nhất cho nên có nhiều môn, trong Trí đã có nhiều cho nên trong Bát-nhã lược bớt, còn lại thù thắng kém hơn cho nên chỉ dùng hai môn. Lại mười Hạnh này tuy dựa theo Độ, mà nghĩa hàm chứa nhiều, cho nên trong văn có lúc dựa vào mười Độ để trình bày về nghĩa, có lúc dựa vào tên gọi của Hạnh để giải thích.

**Hạnh thứ nhất:** Có ba môn trình bày về Hạnh trong phần vị Hoan Hỷ.

*Môn 1-* Trình bày về Lực trì, môn này hàm chứa tổng quát và riêng biệt.

Tổng quát là bởi vì đầu tiên của mười Hạnh này, gia trì kiến lập dựa vào mười sự việc này, mà có thể phát khởi các hạnh. Kinh Độ Thế

gọi là mười kiến lập.

Riêng biệt tức là tất cả những việc bố thí trong phần vị Hoan Hỷ, đều bởi vì tu tập những hạnh căn bản mà chư Phật đã tu, là ý kiến lập về Hạnh.

Trong mười câu: Ba câu đầu là Tam Bảo, tức là Trì thuộc về cảnh giới, chúng sinh tức là Tăng Bảo, bởi vì Bồ-tát Tăng tức là chúng sinh thế gian. Bảy câu còn lại là Trì thuộc về Hạnh, bởi vì Bi mà dấy lên sự nghiệp, chính thức dấy khởi Hạnh, Nguyên duy trì cho Hạnh, cảnh có Bi-Trí thì Hạnh mới thành tựu, Thời tức là thời gian dấy khởi Hạnh; hai câu sau là Phước-Trí.

Nhưng trong phần Đại Tận của Địa thứ mười có mười một loại Trì, bởi vì loại thứ tư thêm vào Trì thuộc về phiền não. Luận phân định trong Trì thuộc về Hạnh, hai loại đầu là nghịch Hạnh, Địa thứ mười dựa theo ứng hóa không gián đoạn cho nên thêm vào. Nay bởi vì chỉ dựa theo căn bản thuộc về Hạnh, cho nên không có phiền não. Địa thứ mười có Trì thuộc về cúng dường và Trì thuộc về kiếp, không có Trì thuộc về cảnh giới và Trì thuộc về thiện lực. Ở đây dùng kiếp thâm nhiếp trong thời gian, Địa thứ mười dùng Hạnh thâm nhiếp thiện lực, dựa vào cảnh mà phát khởi cúng dường, cho nên hợp lại không có gì khác nhau. Tên gọi còn lại đều giống nhau, đầy đủ như Địa thứ mười đã giải thích. Số lượng tên gọi đã không giống nhau thì theo tên gọi để giải thích, ở đây không có Tăng Bảo, mà có giáo hóa chúng sinh, cũng không sai với Lý tổng quát. Trước đây phân rõ về Đà-la-ni tức là văn nghĩa thuộc về Tổng Trì, tiếp đến nói Thọ Trì tức là Hạnh thuộc về hiểu biết tiếp nhận, nay nói Lực Trì tức là Gia Trì-Nhậm Trì, cho nên không lạm dụng lẫn nhau.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 54 trong kinh).

*Môn 2-* Vô cùng mừng vui thanh thản, chính thức phân rõ về nghĩa của Hoan Hỷ Hạnh. Trong Địa chỉ thấy người xin đến là đã hoan hỷ gấp bội phần; nay thì nhận biết do bố thí mà được thấy Phật-cúng dường Phật..., tâm vô cùng hoan hỷ, cho nên Hạnh thứ nhất phần nhiều giống với Hoan Hỷ Địa.

Trong mười câu tóm lược làm năm cặp: 1- Tôn thờ Phật và cúng dường Phật làm một cặp. 2- Nghe giáo pháp và gần gũi Thiện hữu làm một cặp. 3- Hành Tự lợi và Lợi tha thành tựu làm một cặp. 4- Trang nghiêm quốc độ và giáo hóa chúng sinh làm một cặp. 5- Khó thấy được mà có thể thấy được, khó thành tựu mà có thể thành tựu làm một cặp. Văn tướng rất rõ ràng dễ hiểu.

*Môn 3-* Có mười loại tiến sâu vào. Trên đây trình bày về vui mừng biết trước sẽ thành tựu, ở đây phân rõ về hiện tại có thể chứng được, tức là Hạnh thuộc về Pháp thí trước đây, người ấy nói: Con sẽ học theo tất cả những pháp học của chư Phật, chứng được Nhất thiết trí, nhận biết tất cả các pháp, mà thuyết giảng cho chúng sinh.

Trong mười câu: Sáu câu trước có chữ Nhập (tiến vào), bốn câu sau dùng nhận biết làm đầu. Chứng thực tiến vào nhận biết rõ ràng, hai văn hiển bày rõ ràng.

Trong đó: Bốn câu đầu là tiến vào Khí thể gian, ba câu trước là riêng biệt tiến vào ba đời, một câu sau là tổng quát trình bày.

Trong riêng biệt: Trong hiện tại thì Số là nhiều ít, Hạnh là nhân của thế giới, Thuyết là thuyết pháp trong những quả ấy, Thanh tịnh là Thể của thế giới, đây là Thể tổng quát. Sau là câu tổng quát nói: Đủ loại tánh, tức là khác nhau như tạp nhiễm-thanh tịnh..., đây tức là Thể riêng biệt.

Hai câu tiếp là tiến vào Chúng sinh thế gian. Bốn câu sau là tiến vào Trí chánh giác thế gian, trong đó: Ba câu trước là tiến vào chư Phật ba đời, một câu sau là tiến vào pháp.

Trong pháp: Đầu là nhận biết về năm Thừa sai biệt; sau từ “Tuy tri...” trở xuống là trình bày về hai hạnh Quyền-Thật, bởi vì Tánh không làm hỏng Tướng, cho nên tuy không có phân biệt mà nói đủ loại. Trong này, phân biệt tức là sai biệt. Bản kinh thời Tấn nói: “Tuy các pháp không có một-không có khác mà nói một-khác.”

Tiếp theo nói: Tất cả tiến vào pháp giới mà không có gì tiến vào, là giải thích thành tựu về nghĩa trên, nghĩa là tất cả tiến vào pháp giới cho nên không có gì sai biệt, không có gì tiến vào mà nói là đủ loại. Vì sao? Bởi vì nếu có riêng một nơi tiến vào, thì lúc tiến vào sẽ mất đi tướng vốn có, không có thể nói là đủ loại, mà ngay pháp ấy tự nhiên rộng rang gọi là tiến vào pháp giới, không có riêng biệt có thể tiến vào thì không làm hỏng đủ loại.

Từ “Như kỳ...” trở xuống là phân rõ về nhận biết trên đây. Từ đây trở xuống là trình bày về thuyết giảng, nói đến thuyết pháp là nên thuyết giảng đúng như pháp, pháp đã là Quyền-Thật dung thông với nhau, thì thuyết cũng tức là thuyết mà không có gì đấm trước.

**Hạnh thứ hai:** Có mười loại nương tựa, trình bày về Hạnh trong phần vị Nhiêu Ích. Trước đây trình bày về chứng thực tiến vào. Nay nhờ vào duyên tốt lành, dựa vào tất cả mười loại này mới có thể làm nhiều lợi ích, chứ không phải là chỉ dựa vào Giới, hưởng hồ Giới có thâm nhiếp

pháp thiện, thì có gì không đầy đủ?

**Hạnh thứ ba:** Có mười loại Vô úy, tức là Hạnh trong phần vị Vô Vi Nghịch. Bởi vì dựa vào Chỉ thiện của Bồ-tát, thì đối với mười sự việc khó làm mà có thể làm được, khó nhẫn mà có thể nhẫn được, là phát tâm Vô úy: 1- Chướng ngại khó diệt trừ. 2- Pháp để lại khó bảo vệ. 3- Ác ma khó hàng phục. 4- Thân mạng khó xả bỏ. 5- Ngoại đạo khó phá tan. 6- Tâm chúng sinh khó phù hợp. 7- Đại chúng khó hoan hỷ. 8- Tám bộ chúng khó điều phục. 9- Thừa bậc Hạ khó lia xa. 10- Hạnh bậc Thượng khó tu tập.

Đối với mười sự việc khó này đều không có gì sợ hãi, lẽ nào sợ hãi tướng não hại của chúng sinh?

**Hạnh thứ tư:** Từ “Phát vô nghi tâm...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong phần vị Vô Khuất Náo. Trong đó: Môn 1- Do trước đây đối với khó khăn không hề sợ hãi, cho nên đối với mười việc làm quyết chí không nghi ngờ gì, tức là Hạnh trong khoác giáp tinh tiến. Môn 2- Hạnh của thâm nhiếp pháp thiện, lợi ích yên vui có khắp ở hai môn.

**Môn 1-** Trong mười loại: 1- Dùng mười Độ thâm nhiếp chúng sinh; 2- Tôn thờ chư Phật, cúng dường chư Phật; 3- Ánh sáng trang nghiêm quốc độ; 4- Luôn luôn điều phục làm cho thuần thực; 5- Đầy đủ Nhất thiết trí; 6- Làm ngọn đèn sáng giữa thế gian; 7- Thuyết pháp mở bày tỏ ngộ; 8- Diệt trừ chướng ngại thành Phật; 9- Tự giác lia xa hư vọng; 10- Quyết định thành tựu Bồ-đề. Phát khởi thệ nguyện cần phải hạn kỳ đối với mười sự việc này, cho nên gọi là khoác giáp.

**Môn 2-** Có mười loại không thể nghĩ bàn, tức là pháp thiện đã thâm nhiếp do quyết chí không nghi ngờ gì, cho nên những việc làm khó mà lường được.

Trong mười loại: Ba loại đầu chỉ dựa theo thiện căn, Nguyện Trí xứng với tánh gọi là không thể nghĩ bàn. Bảy loại còn lại là Quyền-Thật cùng vận dụng cho nên không thể nghĩ bàn, trong đó: Bốn loại trước dựa theo Hạnh, ba loại sau dựa theo Trí. Trí dựa theo Diệu lý nhân quả của năm Thừa (Nội minh), Hạnh dựa vào tướng bên ngoài.

Trong bốn loại trước: 4- Trải qua Hữu mà cùng một Đạo thanh tịnh; 5- Tỏ ngộ về Không mà vạn hạnh sôi sục tuôn trào; 6- Tu nhân mà quả thuộc tám tướng thành tựu; 7- Hiện rõ quả mà Đại Dụng không rời bỏ, đều là khó suy nghĩ.

Trong ba loại sau: 8- Hai Đế ngay trong nhau; 9- Ba sự dung thông mà không dung thông; 10- Quyền và Thật ngay trong nhau mà không

ngay trong nhau.

Trong loại thứ 8, mười câu làm thành năm cặp: Một- Cảnh; Hai- Tâm; Ba- Nói thông tất cả; bốn-Dựa theo Tu phát khởi; Năm-Tức là danh ngôn. Cũng tức là năm pháp: Một- Tướng; Hai-Vọng tưởng; Ba-Như Như; Bốn- Chánh Trí; Năm- Tên gọi.

Nhưng đều có hai ý: a- Thẳng thẳng dựa vào Thể của pháp, Vô tướng là Chân tướng, tức là Tục mà luôn luôn ngay trong nhau, bốn pháp sau ví dụ như vậy. b- Dựa theo mê và ngộ, năm cặp giống nhau trên đại thể mà khác nhau ở chi tiết, nghĩa là:

Một- Mê thì Vô tướng là Như mà thành ra tướng, ngộ thì Vô tướng là tướng chính là Như Như.

Hai- Mê thì đối với Chánh Trí không có phân biệt mà thành ra vọng tưởng phân biệt, ngộ thì vọng tưởng phân biệt tức là Chánh Trí không có phân biệt.

Ba- Hiểu rõ Như không phải là có thì chân thật có Như Như, nếu chấp có Như thì không phải là Như có.

Bốn- Trí nếu không có làm ra thì làm ra, Chánh Trí nếu có nơi làm ra thì không phải là làm ra Chánh Trí.

Năm- Nhận biết tên gọi không phải là nói ra thì chân thật nói ra tên gọi, nghĩa là tên gọi có nói ra không phải là nói ra tên gọi.

Trong loại thứ 9: Đầu là ba sự dung thông; sau từ “Diệc bất...” trở xuống là hiển bày về tướng lìa xa dung thông, gọi là không dung thông. Ba sự tức là Tâm-Phật và Chúng sinh, đều không có sai biệt, như kệ của Giác Lâm.

Trong loại thứ 10 có ba câu:

Một- Trình bày về tận cùng mà không tận cùng, đây là dựa theo lúc đoạn trừ để trình bày về Thể-Dụng.

Hai- Không có mà không phải không có, đây là dùng pháp tánh đối với đoạn trừ để trình bày về Thể-Dụng. Hai câu tuy khác nhau mà đều là Quyền-Thật cùng hiện hành.

Ba- Từ “Tuy tri Phật pháp...” trở xuống là trình bày về ngay trong nhau mà không ngay trong nhau, trong đó: Đầu là chính thức trình bày; sau từ “Nhất thiết chư pháp...” trở xuống là giải thích thành tựu về nghĩa trên, tất cả tiến vào pháp giới cho nên nói là ngay trong nhau, không có gì tiến vào cho nên không thuận theo phân biệt pháp Phật trong thế gian... Nghĩa là bởi vì ngay pháp ấy tự nhiên rộng rang, cho nên gọi là ngay trong nhau, không phải là pháp Phật có thể đạt được trong thế gian.

Sau trở lại giải thích rằng: Nhận biết tất cả các pháp đều không hai, cho nên không có thể mong cầu lẫn nhau trong hai; không có biến đổi cho nên cũng không phải là pháp thế gian làm ra pháp Phật ấy, suy nghĩ điều này!

**Hạnh thứ năm:** Từ “Thập chủng xảo mật ngữ...” trở xuống có sáu môn, trình bày về Hạnh trong phần vị Vô Si Loạn, trong đó có ba: Một-Hai môn đầu tức là Hạnh thuộc về Vô Si; Hai- Hai môn tiếp trình bày Hạnh thuộc về Vô Loạn; Ba- Hai môn sau là cùng trình bày về hai môn dẫn dắt phát sinh công đức, tuy Si Loạn có tổng quát mà nay thuận theo riêng biệt để nói. Lại ba đoạn này tức là ba Thiên: 1- Tức là Thiên làm lợi ích cho hữu tình; 2- Tức là Thiên vui thích trú trong Chánh pháp; 3- Tức là Thiên dẫn dắt phát sinh công đức.

Một- Trong hai môn đầu: Môn 1- Ngôn từ khéo léo bí mật không ngu muội; môn 2- Trí khéo léo nhanh nhạy không ngu muội.

*Môn 1-* Trước đã trình bày về công hạnh bên trong, nay phân rõ về lời nói bên ngoài. Công hạnh ấy, vẫn nói bởi vì Chánh niệm cho nên khéo léo hiểu rõ tất cả ngôn thuyết của thế gian, có thể duy trì ngôn thuyết của các pháp xuất thế gian...

Đều nói là Mật ngữ, trình bày rộng ra có năm ý:

Một- Bởi vì thuyết giảng về pháp bí mật sâu xa, như phẩm Xuất Hiện gọi là Như Lai Mật Tạng...

Hai- Bởi vì một ngôn từ thuyết giảng tất cả các pháp, trước đây nói: Như Lai từ trong một ngôn ngữ... Cũng như Tiên-đà nói bốn Thật-chín Nghĩa, nghe âm thanh mà nao lòng...

Ba- Gần mà không nghe, như Thân Tử ở trong chỗ ngồi; xa mà không có ngăn cách, như Mục Liên tìm theo âm thanh...

Bốn- Lời nói gần mà ý nghĩa xa, như nói Tam thừa là cứu cánh; lời nói xa mà ý nghĩa gần, như nói khi lạnh lẽo có được lửa, gọi là Niết-bàn... Ý này cũng gọi là giấu kín Thật mà nói về Quyền.

Năm- Dùng ngôn từ khác nhau mà nói về pháp khác nhau, như hiểu rõ không vững bền là vững bền...

Trong văn có mười câu: Một câu đầu đầy đủ năm ý, bởi vì là tổng quát về tất cả giáo pháp. Hai câu tiếp hàm chứa hai ý, nghĩa là nêu ra mà nói là Thật, tức là ý thứ tư. Hai câu này đều là pháp bí mật sâu xa, tức là ý thứ nhất. Còn lại bao gồm hai ý trước, hoặc là đều bao gồm năm ý, có thể dùng ý hiểu được.

*Môn 2-* Mười loại Trí khéo léo phân biệt. Lời nói bên ngoài đã bí mật, Trí bên trong lại khéo léo, cho nên không có gì si mê ám chướng

đối với lợi ích chúng sinh. Văn ấy nói: Bồ-tát lắng nghe Chánh pháp từ nơi Thiện tri thức, đó gọi là pháp rất sâu xa... Văn nghĩa phần nhiều giống với mười câu, có thể biết.

Hai- Trong hai môn tiếp trình bày Hạnh thuộc về Vô Loạn, đều là Thể của Định, trong đó: Môn 1- Trình bày về tiến vào Tam-muội, hiển bày về nơi chốn... không giống nhau; môn 2- Trình bày về tiến vào tất cả, là suy ra tương tự đều rộng khắp.

*Môn 1-* Vì vậy văn ấy nói: Khéo léo tiến vào tất cả các môn thiền định. Trong này trình bày mười môn đều tổng quát tất cả. Trong mười môn: Tổng quát phân rõ về duyên với mười cảnh ấy, mà tiến vào Định không giống nhau. Riêng biệt thì mười môn khác nhau, mà năm môn đầu là sự việc của một tầng, năm môn còn lại trải qua tiến vào viên dung, có thể biết. Bởi vì môn thứ chín-thứ mười đều ngay nơi một mà nhiều. Hạnh ấy nói: Trong một niệm đạt được vô số Tam-muội. Nhưng thuận theo phần nhiều đối với trước sau mà nói, phân định làm Thể của Định, không phải là Hạnh này không có Dụng

*Môn 2-* Có mười Biến nhập, cũng giống như Tiểu thừa nói về mười Biến xứ, tức là khiến cho Tam-muội dần dần càng thêm rộng lớn. Trước trình bày về tất cả như thân chúng sinh, nghĩa là thân Đồng tử..., tuy có thể tiến vào tất cả các thân mà không cần phải cùng một lúc. Nay ở đây hề tiến vào một loại thì đều có khắp tất cả, như Hải Tuệ lần đầu đến cùng một lúc đều là nước... Văn có mười câu, có thể biết.

Ba- Từ “Thập giải thoát...” trở xuống là hai môn sau, trình bày về Thiền dẫn dắt phát sinh công đức: Môn 1- Trình bày về tác dụng không có gì ngăn ngại, cho nên gọi là Giải thoát; môn 2- Đối với cảnh không bị che lấp cho nên gọi là Thần thông.

*Môn 1-* Giải thoát tức là giải thoát không thể nghĩ bàn. Tiếng Phạn nói là Tỳ-mộc-xoa, Trung Hoa nói là Thắng giải thoát, nghĩa là tác dụng thù thắng, cũng bởi vì dựa vào Thiền mà thành tựu tám Giải thoát. Mười câu có thể biết.

*Môn 2-* Mười loại Thần thông, như dựa vào bốn Thiền dẫn khởi Diệu Dụng của sáu Thông. Mười loại này nếu dùng sáu Thông để thâm nhiếp thì bốn loại trước có thể như nhau, năm loại tiếp là Thần cảnh, một loại sau là Lộ tận mà thành tựu Bồ-đề. Dựa theo phần vị không giống nhau, so với mười Thông thì chỉ khác nhau về chi tiết.

**Hạnh thứ sáu:** Từ “Thập chủng minh...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong phần vị Thiện Hiện: Môn 1- Chính thức hiển bày về Thể của Hạnh, tức là Bát-nhã, cho nên gọi là Trí Minh; môn 2-

Trình bày về lìa xa chướng ngại về Trí, cho nên gọi là Giải thoát.

*Môn 1-* Nhưng đều là Trí thuộc về Quyền-Thật không có gì ngăn ngại, cho nên gọi là thiện xảo, không giống như mười Độ chỉ dựa theo căn bản, nhưng dựa theo tăng thêm vi tế mà phân thành năm Hạnh.

Trong mười loại: Bảy loại trước chỉ dựa theo một Trí, ba loại sau là hai Hạnh.

Trong bảy loại trước: Ba loại đầu dựa theo thụ động hóa độ. Ba loại tiếp dựa theo chủ động hóa độ, đều trước là Sự, tiếp là Lý, sau là dựa vào Sự quy về Lý. Loại thứ 7 là lìa xa tướng về chủ động-thụ động, kết hợp quy về Bát-nhã, quán sát trừ diệt niệm tướng, không tiếp nhận cảnh giới, là khéo léo mà tiến vào Lý.

Trong ba loại sau là hai Hạnh:

**Loại thứ 8:** Trình bày về Trí Minh khéo léo không có thuyết giảng mà thuyết giảng, không có thành tựu mà thành tựu, nghĩa là cả hai không phải, soi chiếu-vắng lặng lìa xa ngôn từ mà có thể sai biệt. Soi chiếu Sự có thuyết giảng, không phải tướng loại bỏ tướng, không phải không có loại bỏ không có, một tánh loại bỏ nhiều tánh, không có tánh loại bỏ có tánh, ngay nơi tánh-tướng đều vắng lặng. Từ “Trú ư...” trở xuống là không có thành tựu mà thành tựu, Thể của pháp giới thật sự không có gì thành tựu, soi chiếu pháp giới này tức là thuyết giảng về thành Phật.

**Loại thứ 9:** Trình bày về Trí Minh không có sinh dấy khởi sinh, trong văn có ba tiết: Một- Chính thức trình bày; Hai- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là đưa ra giải thích; Ba- Từ “Thị danh...” trở xuống là kết luận về tên gọi.

**Tiết một-** Chính thức trình bày về không có duyên mà duyên, bao gồm hiển bày về không có giáo hóa mà giáo hóa, trong đó có hai tiết:

**Tiết 1-** Trình bày về không có duyên, nghĩa là chân tâm của chúng sinh xứng với Lý mà không thể đạt được, nếu không có duyên thì không có gì giáo hóa.

**Tiết 2-** Từ “Nhi tri...” trở xuống là trình bày về chân tâm tùy theo duyên không làm hỏng duyên khởi, thì cũng có thụ động giáo hóa, trong đó có hai tiết: Trước là nhận biết về thụ động giáo hóa, sau là kết luận thành tựu về hai Hạnh.

Trong tiết trước, văn có ba tiết:

**Tiết a-** Có tám câu riêng biệt nhận biết về tướng của duyên, Nhân là Vô minh..., Duyên là nghiệp hạnh, Sự tức là Thức-Danh sắc..., Cảnh giới tức là trần cảnh như Xúc-Thọ, Hành tức là Ái-Thủ-Hữu hiện tại,



Sinh tức là chi Sinh, Diệt tức là Lão tử; nhận biết về ngôn thuyết, tổng quát là tùy theo duyên sinh thế tục mà không tách lìa ba đời.

*Tiết b-* Từ “Tri mê...” trở xuống có mười hai câu-sáu cặp, bao gồm nhận biết về nhiễm-tịnh-mê-ngộ, mê mờ về Lý thì phiền não điên đảo tạp nhiễm, tỏ ngộ đều ngược lại điều này. Tùy theo thế tục thì đều có thể đạt được, trong Đệ nhất nghĩa thì cả hai đều không đạt được, đạt được-không phải đạt được dựa theo Lý, đấm trước-không phải đấm trước dựa theo Trí.

*Tiết c-* Từ “Tri trú...” trở xuống là trình bày nhận biết về tâm hành. Trú nghĩa là tánh vốn có, Động nghĩa là khách trần, tùy theo khách trần thì rời bỏ mà không quay về, thấy tánh vốn có thì trở về nguồn cội quay lại ban đầu. Có trở về-có rời bỏ đều là tâm khởi lên, trở về-trú vào không còn cả hai, vắng lặng không khởi lên. Khởi lên thì các pháp thiện biến đổi hư hoại, không khởi lên thì vượt khỏi che lấp ràng buộc (Cái triền), tiếp xúc với cảnh vắng lặng mà nhận biết, đó là thành thực. Trước nối thông chúng sinh với mình, sau bao gồm nhận biết căn cơ. Dựa theo căn của chính mình, nghĩa là sáu căn không bị cảnh dẫn dắt, tức là điều phục.

Trong tiết sau từ “Tùy kỳ...” trở xuống là kết luận thành tựu về hai Hạnh, nghĩa là Trí tùy theo uyển chuyển giáo hóa mà vẫn có thể xem như không có hành.

Trong tiết hai là đưa ra giải thích: Sở dĩ như vậy, là vì chúng sinh mà phát tâm.

Tiết ba là kết luận về tên gọi, có thể biết.

**Loại thứ 10:** Trí Minh bình đẳng giáo hóa, có ba: Một- Trình bày về Thật không ngăn ngại Quyền; Hai- Từ “Tri chủng chủng...” trở xuống là Quyền không ngăn ngại Thật; Ba- Từ “U sinh tử...” trở xuống là kết luận về tên gọi. Đều có thể biết.

**Môn 2-** Mười loại Giải thoát trừ bỏ hai chương. Tiếng Phạn nói là Tỳ-mộc-để, Trung Hoa nói là Giải thoát, cùng với trước không giống nhau.

Trong mười loại: Bốn loại đầu là thoát khỏi ba chương của phàm phu, mà chọn lấy tăng thêm làm nghiệp; sáu loại sau là thoát khỏi chương của Trí, một loại trước là chọn ra yếu kém, còn lại đều hiển bày về thù thắng.

**Hạnh thứ bảy:** Từ “Viên lâm...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong phần vị Vô Trước: Môn 1- Trình bày về mặc tình qua lại mọi nơi; môn 2- Trình bày về dừng lại nơi vừa lòng thích ý, đều

bao gồm Tự lợi-Lợi tha, phương tiện Quyền-Thật mà không có gì đấm trước. Môn 1 có thể biết.

*Môn 2- Cung điện:* Trong mười loại, bốn Phạm trú tức là bốn Vô lượng, mà cũng là nhân của Sắc. Vì vậy kinh Độ Thế nói tu bốn Phạm hạnh Từ-Bi-Hỷ-Xả. Còn lại có thể biết.

*Hạnh thứ tám:* Từ “Sở lạc...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong phần vị Nan Đắc, trong đó: Môn 1- Nguyện vui thích trong tâm, Nguyện tức là Thể của Hạnh, đã ở nơi cung điện thì tình ý mừng với niềm vui thù thắng; môn 2- Mười loại trang nghiêm, tức là đức bên ngoài làm đồ vật trang nghiêm, dùng các đức để trang nghiêm cho Nguyện. Văn đều có thể biết.

*Hạnh thứ chín:* Từ “Bất động tâm...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong phần vị Thiệt Pháp: Môn 1- Trình bày về duyên bên ngoài không lay động; môn 2- Trình bày về tâm bên trong không rời bỏ. Lại môn đầu trình bày về tâm vững chắc, môn sau trình bày về tiến sâu vào, đều là nghĩa của Lực.

*Môn 1-* Trong mười loại, loại thứ 2 và loại thứ 9 là Lực suy nghĩ lựa chọn, còn lại đều là Lực tu tập.

Trong loại thứ 8 có mười: Một- Tin tưởng, bởi vì quả Phật trong một đời. Hai- Không xen tạp, bởi vì không tin tưởng hỗn loạn. Ba- Thanh tịnh, bởi vì không có phiền não. Bốn- Bởi vì không có niệm vi tế. Năm- Bởi vì lìa xa cấu nhiễm của pháp đã nhận biết. Sáu- Bởi vì xuyên suốt ngọn nguồn của sự việc. Bảy- Bởi vì hướng đến quả vị. Tám- Bởi vì Tự phần kiên cố. Chín- Bởi vì đức vô tận. Mười- Bởi vì duyên không lay động.

Trong loại thứ 10 là cùng chứng được Chân Như. Còn lại đều hiển bày lẫn nhau.

*Môn 2-* Không rời bỏ tâm sâu xa rộng lớn, bởi vì không lay động cho nên có thể cùng tận Lý-Sự, Lý sâu xa-Sự rộng lớn, cho nên gọi là sâu xa rộng lớn. Mười câu có thể biết.

*Hạnh thứ mười:* Từ “Trí tuệ quán sát...” trở xuống có chín môn, trình bày về Hạnh trong phần vị Chân Thật, tức là phân làm chín: 1- Trí quán sát; 2- Trí thuyết pháp; 3- Trí lìa xa chướng ngại; 4- Trí xem xét quyết định; 5- Trí soi chiếu xuyên suốt; 6- Trí không gì sánh được; 7- Trí không hề yếu kém; 8- Trí cao vượt lên trên; 9- Trí sâu xa rộng lớn.

*Môn 1-* Trí quán sát: Cũng bởi vì không rời bỏ tâm sâu xa rộng lớn, cho nên có thể quán sát. Câu hỏi trước đây chỉ nói quán sát, là sót mất chữ Trí Tuệ. Mười câu dựa theo suy nghĩ.

*Môn 2-* Trí thuyết pháp: Bởi vì bên trong có thể quán sát, cho nên bên ngoài có thể thuyết giảng.

Trong mười câu: Hai câu đầu thuyết giảng về Tục đế. Tám câu sau thuyết giảng về Chân đế: 1- Không có hai để có thể tranh cãi; 2- Thể và Đức rộng lớn; 3- Tướng sâu xa; 4- Thể kiên cố sắc bén; 5- Như Như không lay động; 6- Thể bất dứt mọi lỗi lầm; 7- Ở trong ràng buộc mà không nhiễm theo; 8- Thể tướng cùng một vị.

*Môn 3-* Mười loại thanh tịnh, tức là Trí lìa xa chướng ngại. Ở đây là Trí lìa xa chướng ngại, bản kinh thời Tấn gọi là không có cấu nhiễm, tuy cùng là thanh tịnh mà pháp đã thanh tịnh không giống nhau. Trong mười loại có tách ra-hợp lại không giống với bảy loại thanh tịnh, ở văn rõ ràng dễ hiểu. Bảy loại thanh tịnh như phần đầu của Địa thứ năm đã phân rõ.

*Môn 4-* Mười loại Ấn, tức là Trí xem xét quyết định, dùng Trí thanh tịnh mà quyết định phù hợp với tất cả các pháp, vì vậy trong bản kinh thời Tấn gọi là Trí Ấn, phần sau kết luận về lợi ích cũng là Trí Ấn, cũng giống như Tam Pháp Ấn.

Trong mười loại: 1- Trí không lay động, nhẫn nại đối với cảnh yên lòng nhận chịu khổ đau. 2- Hạnh quyết định, nhẫn nại đối với người khác không làm lợi ích. 3- Nhẫn quyết định, tin sâu sắc đối với pháp Phật, tức là Pháp nhẫn quán sát kỹ càng. 4- Quyết định thành Phật hóa độ chúng sinh. 5- Quyết định nhận biết không giới hạn về Trí Phật. 6- Quyết định không lui sụt mong cầu quả Phật. 7- Quyết định không tiếc thân mạng để gần gũi người và pháp. 8- Quyết định hóa độ người đã tiến vào Đại thừa. 9- Quyết định hóa độ bình đẳng. 10- Quyết định nhân tròn vẹn-quả đầy đủ giống như Thể của Phật.

*Môn 5-* Ánh sáng của Trí soi chiếu, tức là Trí soi chiếu xuyên suốt, do phù hợp với Định mà soi chiếu xuyên suốt không có gì ngăn ngại. Mười câu dễ dàng nhận biết.

*Môn 6-* An trú không có gì sánh bằng, tức là Trí không gì sánh được, do soi chiếu xuyên suốt trước đây mà không đắm theo trú vào thiên lệch, cùng trú trong Sự-Lý, gọi là không có gì sánh được.

Trong mười câu nêu ra, đều là Quyền-Thật cùng hiện hành, hoặc là Dụng ngay nơi vắng lặng, vắng lặng ngay nơi Dụng..., đều hiển bày có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 55 trong kinh).

*Môn 7-* Không có tâm thấp kém, tức là Trí không hề yếu kém. Trước đã hướng xuống dưới không có gì sánh bằng, nay hướng lên trên

không hề yếu kém, đối với mười sự việc thù thắng đều quyết định thực hiện, cho nên gọi là không có thấp kém, vì vậy bản kinh thời Tấn gọi là không hề khiếp nhược.

Mười loại gộp làm năm cặp: 1- Hàng phục ma quân, chế ngự ngoại đạo làm một cặp. 2- Vui với người khác, tự mình đầy đủ làm một cặp. 3- Tích chứa Phước thiện, thành tựu Trí tuệ làm một cặp. 4- Phía dưới giáo hóa, phía trên thành tựu làm một cặp. Bốn cặp trên là riêng biệt phân rõ. 5- Bi Trí đến cuối cùng làm một cặp, tức là cùng hiện hành.

Trong đó: Loại thứ 9 là Bi ngay nơi Trí, mà Bi-Trí cùng hiện hành, tuy Bi mà không mong cầu quả báo. Loại thứ 10 là Trí ngay nơi Bi, mà Quyền-Thật cùng hiện hành, trong đó có bốn tiết:

**Tiết một-** Nêu ra pháp đã nhận biết.

**Tiết hai-** Từ “Như thị...” trở xuống là phân rõ về pháp có thể nhận biết, nghĩa là nhận biết Khổ, hiểu rõ Vọng, thấy được Lý, chứng đạt Diệt, tu tập Đạo, đoạn trừ Tập.

**Tiết ba-** Từ “Nhiên ư...” trở xuống là loại bỏ tướng nhận biết ấy, pháp có thể nhận biết không có phân biệt cho nên không có công đức, pháp đã nhận biết không có đủ loại cho nên không có cảnh giới.

**Tiết bốn-** Từ “Phi hữu...” trở xuống là kết hợp quy về Trung đạo, mở rộng phân rõ về cùng hiện hành, trong đó: Đầu là hai câu tổng quát phân rõ về Trung đạo. Tiếp từ “Dĩ bất nhi...” trở xuống là Cảnh-Trí làm một cặp, trình bày đều dùng Thật Trí để nhận biết Quyền, hiển bày cùng hiện hành không có gì ngăn ngại, trong đó khác nhau là dựa theo chiều dọc để luận về biến dị sai biệt, dựa theo chiều ngang để phân rõ về không giống nhau. Sau từ “Dĩ cứu cánh pháp giới...” trở xuống là ngay nơi Thể khởi Dụng để phân rõ về cùng hiện hành.

**Môn 8-** Tâm tăng thượng như núi, là phân rõ về Trí cao vượt lên trên, bởi vì không có thấp kém, vạn hạnh vượt lên cao khó ngược nhìn chiều cao ấy, đối với sự việc thù thắng quyết định thực hiện mà thẳng thắn hướng đến Bồ-đề, không thể làm cho khuynh động.

Trong mười loại: 1- Chịu khó tu tập về Trí có thể chứng được. 2- Thường xuyên quán sát về Lý đã chứng được. 3- Bên trong tu pháp vô lậu. 4- Bên ngoài gần gũi người thiện. Bởi vì danh lợi-vì mong cầu khác lạ, từ người khác nghe rồi mà nói kiến giải của mình là trộm pháp, kinh Quán Phật Tam Muội nói người này rơi vào địa ngục trong khoảnh khắc như tên bắn, để nhắc nhở người học đời sau. 5- Đại Nhẫn cứu độ chúng sinh, Hoằng Thệ càng tăng thêm, như củi rừng rực trong ngọn lửa. 6- Quyết định vượt qua cảnh giới của ma, do thành tựu công đức

thù thắng mà không đấm trước, chỉ dùng niềm vui của pháp để tự nuôi thân, thì cảnh giới của ma đều là cảnh giới của Phật. 7- Thường xuyên hăng hái tu tập thực hành, Nhiếp Luận nói: “Người ngu tu tập tuy một thời gian ngắn mà tâm lưỡi nhắc nhở rằng đã lâu, Đức Phật trải qua vô lượng kiếp thường xuyên hăng hái mà nói là trong chốc lát.” 8- Không rời bỏ người ác. 9- Một mình vượt lên sánh bằng Phật. 10- Quyền và Thật cùng hiện hành.

Loại thứ 10, trong văn có bốn tiết:

**Tiết một-** Chính thức phân rõ về cùng hiện hành.

**Tiết hai-** Từ “Hà dĩ...” trở xuống là đưa ra giải thích. Đưa ra có hai ý: a-Tu tập cần phải xứng với Lý, Lý đã không có đạt được thì Nguyên sao không rời bỏ? b-Đã không rời bỏ Nguyên thì đâu cần phải quán sát về không có? Giải thích cũng có hai ý: a-Nếu có pháp đã đạt được thì không đạt được Bồ-đề, bởi vì không có đạt được, mà sinh ra Bồ-đề, tuy không rời bỏ Nguyên nhưng cần phải quán sát về không có đạt được. b-Pháp không có đạt được không phải là đạt được ở bên ngoài, cần phải mong cầu tất cả các pháp, mới tận cùng nguồn gốc của không có đạt được, bởi vì muốn chứng thực không có đạt được, vì vậy cần phải không rời bỏ Nguyên của Bồ-đề.

**Tiết ba-** Từ “Thị cố dĩ...” trở xuống là kết luận thành tựu về cùng hiện hành.

**Tiết bốn-** Từ “Bất tác thị...” trở xuống là hiển bày về lìa xa lỗi lầm ấy, bởi vì không sợ hãi Không mà không mong cầu.

**Môn 9-** Trí như biển, tức là Trí sâu xa rộng lớn, bởi vì không những mong cầu vượt thẳng lên cao, mà còn bao hàm Thể của Trí.

Trong mười câu: Bốn câu trước tức là bốn cảnh giới Vô lượng. Sáu câu sau đều là cảnh giới của Phật, từ cảnh giới Vô lượng tách ra, nghĩa là: 5- Tiến vào thiện căn của chư Phật ba đời; 6-7-8- Tiến vào cảnh giới của chư Phật ba đời; 9- Cúng dường nhiều Đức Phật; 10- Mong cầu nhiều pháp. Đều hiển bày có thể biết. Nhờ vào biển Nhân này mà có thể tiến vào biển Quả.

Trên đây là phần vị Thập Hạnh, xong.

**Đoạn 4:** Từ “Như bảo trụ...” trở xuống có hai mươi chín môn, giải đáp hai mươi chín câu hỏi về Hạnh trong phần vị Hồi Hương. Nếu gộp với câu tổng quát về Vô ngại thì có ba mươi môn.

Cổ đức phân ra ba: Một- Có mười một môn trình bày về Thể kiên cố của Hạnh trong phần vị Hồi Hương; Hai- Từ “Thập tự tại...” trở xuống có mười hai môn, trình bày về Dụng tự tại của Hạnh; Ba- Từ

“Thập chủng du hý...” trở xuống có bảy môn, trình bày về Đức trọn vẹn đầy đủ của Hạnh.

Nay cũng thuận theo thứ tự phối hợp với Thập Hồi Hương, trong đó: Đầu có bốn môn trình bày về Hồi Hương thứ nhất, Hồi Hương thứ hai-thứ ba đều có hai môn, Hồi Hương thứ tư-thứ năm-thứ sáu-thứ bảy đều chỉ có một môn, Hồi Hương thứ tám tức là mười Vô ngại, Hồi Hương thứ chín có ba môn, Hồi Hương thứ mười có bốn môn. Đến văn sẽ biết.

**Hồi hương thứ nhất:** Có bốn môn trình bày về Hạnh trong phần vị Cứu Hộ Chúng Sinh Ly Chúng Sinh Tướng Hồi Hương, tức là phân làm bốn: 1- Trình bày về thiện căn đã hồi hương; 2- Tức là Đại Nguyện cứu hộ; 3- Tức là hồi hương những việc đã làm; 4- Hiển bày về việc đã làm thành tựu đầy đủ.

**Môn 1-** Đã trú vào thiện căn viên mãn đáng quý. Trong mười loại: 1- Cúng dường phụng sự nhiều Đức Phật. 2- Nghe pháp thọ trì. 3- Thọ sinh tự tại. 4- Thuyết giảng về pháp gốc-ngọn, trong đó: Trước là thuyết giảng về pháp ngọn dấy khởi từ gốc, như vô lượng nghĩa sinh ra từ một pháp, một pháp ấy gọi là Vô tướng; tiếp từ “Dĩ nhất thiết...” trở xuống là thâm nhiếp ngọn quy về gốc, giải thích thành tựu về nghĩa trên. 5- Nhận biết về Đoạn tự tại với Đạo tư lương, ngừng bỏ Đạo gia hạnh, phòng hộ Đạo vô gián, đoạn trừ mà không giữ lấy Đạo giải thoát, bởi vì chứng thực tiến vào mà giữ lại phiền não không đoạn trừ là khác với Nhị thừa, mới có thể Đoạn-Chứng đến cuối cùng. Vì sao không chứng? Bởi vì phương tiện khéo léo học theo pháp Phật không có giới hạn, cho nên đầy đủ Nguyện rộng lớn xưa kia, như mũi tên bắn vào hư không, đuôi của những mũi tên chống vào nhau. 6- Bi Trí cùng hiện hành. 7- Nhận biết về tánh tướng không có gì ngăn ngại. 8- Không có đạt được mà đạt được. 9- Quán sát về Không đầy đủ Nguyện. 10- Tiếp nhận thực hành không có gì thỏa mãn, trong đó: Trước là chính thức hiển bày; sau từ “Tri Như Lai...” trở xuống là giải thích thành tựu.

**Môn 2-** Mười loại tâm như Kim Cang, tức là Đại Nguyện cứu giúp che chở, tuy hồi hương đều là Nguyện, mà Nguyện này ở đâu, nghĩa là đối với việc làm ở vị lai và Hạnh thực hiện ở hiện tại, đều không có giới hạn, chính là tâm kiên cố mà cùng tận giới hạn ấy.

Trong mười loại: 1- Pháp môn vô tận thệ nguyện nhận biết. 2- Chúng sinh vô biên thệ nguyện hóa độ. 3- Trang nghiêm quốc độ. 4- Hồi hương. 5- Cúng dường chư Phật. Ba loại trên là Nguyện thành tựu quả Phật. Năm loại trên đều dựa theo thành tựu ở vị lai, đều theo không

gian mà luận thì không có giới hạn. Hai loại tiếp dựa theo Hạnh thực hiện ở hiện tại, đều theo thời gian mà luận thì sâu xa không có giới hạn, nghĩa là: 6- Thấy nghe không có gì đấm trước. 7- An lòng nhẫn chịu không tán loạn, chặt đầu làm bậc thêm. Hai loại trên là tạm thời đoạn trừ phiền não. Ba loại sau cũng dựa theo thành tựu ở vị lai, nghĩa là: 8- Tu tập thực hành Tự lợi-Lợi tha ở mọi nơi-mọi lúc. 9- Bởi vì tâm mong mỗi thành tựu Đại Hạnh không có giới hạn. 10- Ngay nơi Tịch dấy khởi Dụng.

Trong loại thứ 10 có ba: Một- Tổ ngộ về Tịch. Hai- Từ “Nhi diệt...” trở xuống là dấy khởi Dụng. Ba- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích thành tựu, trong đó có ba lần đưa ra giải thích: Lần thứ nhất đưa ra ý nói: Sở dĩ ngay nơi Tịch mà Dụng, là bởi vì Nguyên Trí vốn có cho nên không rời bỏ Bi. Lần thứ hai đưa ra ý nói: Sở dĩ Trí không rời bỏ Bi, là bởi vì Trí cũng làm lợi ích cho chúng sinh. Lần thứ ba đưa ra ý nói: Vì sao cần phải cùng hiện hành như vậy? Giải thích có hai nghĩa: a- Bởi vì chư Phật đều như vậy; b- Từ “Hựu ngã...” trở xuống là bởi vì trước kia mình Nguyên như vậy.

*Môn 3-* Mười loại phát khởi, tức là hồi hướng những việc đã làm, phát khởi khiến cho hiện rõ trước mắt.

Trong mười loại: Sáu loại trước là Tự phần, ba loại đầu là Phước nghiệp to lớn, ba loại sau là Hóa nghiệp to lớn, bởi vì trang nghiêm quốc độ cũng là thâm nhiếp chúng sinh. Bốn loại sau là Thắng tiến, loại thứ 7-thứ 8 là Thắng tiến thâm nhiếp về Phước, loại thứ 9-thứ 10 là Thắng tiến dấy khởi hóa độ, loại thứ 9 là chứng được Thể, loại thứ 10 là dấy khởi Dụng.

*Môn 4-* Đại sự cứu cánh, tức là việc đã làm thành tựu đầy đủ, mười câu có thể biết.

**Hồi hướng thứ hai:** Từ “Bất hoại tín...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong Bất Hoại Hồi Hướng.

*Môn 1-* Chính thức trình bày về Bất hoại. Trong mười câu, nghĩa như trước đã nói.

*Môn 2-* Mười loại thọ ký, tức là thành tựu Hạnh hồi hướng.

Trong mười loại: 1- Hiểu biết hợp với tâm Phật. 2- Đầy đủ thiện của phần giải thoát. 3- Đại Hạnh đã tu tập. Ba loại này phần nhiều dựa theo Tam Hiền. Loại thứ 4- thứ 5 dựa theo đối diện-không đối diện, kinh Pháp Hoa nói: “Người ấy không ở trong Hội này, ông nên thuyết giảng cho người ấy...” 6- Địa thứ nhất chứng được Như. 7- Địa thứ tám thành tựu Nhẫn. 8- Địa thứ chín đầy đủ phương tiện điều phục hóa độ.

9- Địa thứ mười đầy đủ ba Đại kiếp. 10- Đẳng giác đã tiến vào lại thêm sâu xa, cho nên nói là tự tại, như thọ ký Từ Thị...

Nếu dựa theo Hành bố (trước sau theo thứ tự) thì phần vị này chỉ có năm loại trước, nhân tiện đưa ra những loại còn lại. Nếu dựa theo Viên dung thì đều bao gồm mười loại này.

**Hồi hương thứ ba:** Từ “Thập chủng thiện căn hồi hương...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong Đẳng Nhất Thiết Phật Hồi Hương.

*Môn 1-* Chính thức trình bày về bình đẳng với Phật, Phật là Thiện tri thức chân thật, giống nhau tức là nghĩa của bình đẳng.

Trong mười loại: Tâm tức là Bi-Trí, bởi vì tâm bình đẳng phù hợp với Lý, còn lại đều là một nghĩa, đều nói là như nhau bởi vì cùng một Thể, không thấy hai tướng, cho nên nêu lên nói rằng: Vì vậy có thể đem tất cả thiện căn thấy đều hồi hương.

*Môn 2-* Đạt được Trí tuệ cũng là thành tựu Hạnh hồi hương, cho nên văn ấy nói: Trú trong Tam-muội này, mà tiến vào cảnh giới của Trí tuệ thanh tịnh sâu xa...

**Hồi hương thứ tư:** Mười loại tâm rộng lớn, trình bày về Hạnh trong Chí Nhất Thiết Xứ Hồi Hương. Vô lượng vô biên cho nên không có nơi nào không đến, cảnh đã vô lượng vô biên thì tâm như cảnh mà rộng lớn.

**Hồi hương thứ năm:** Mười loại phục tạng (kho báu giấu kín trong đất), tức là Hạnh trong Vô Tận Công Đức Tạng Hồi Hương. Bởi vì tất cả các pháp tích chứa ở mười nghĩa này, cho nên gọi là Tạng; ngay nơi pháp mà quán sát bởi vì mê hoặc không thấy, cho nên gọi là Phục. Tất cả đều có mười là công đức vô tận rồi.

**Hồi hương thứ sáu:** Mười loại luật nghi, tức là Hạnh trong Tùy Thuận Kiên Cố Nhất Thiết Thiện Căn Hồi Hương. Hồi Hương ấy dựa theo Hạnh đứng đầu, mà mở rộng ngay nơi Bố thí để trình bày về thiện căn. Nay dựa theo Hạnh căn bản tóm lược phân rõ về luật nghi, Thiện căn đều thuận với Lý bình đẳng mà thật sự bao gồm tất cả. Hồi Hương thứ 8 nói: Tất cả thiện căn đều khiến cho cứu cánh. Cứu cánh tức là thuận theo nghĩa của kiên cố, nổi thông trình bày mười câu về Nhiếp thiện-Nhiều ích, không có gì không đầy đủ, bao gồm tất cả pháp thiện, rõ ràng có thể biết.

**Hồi hương thứ bảy:** Mười loại tự tại, tức là Hạnh trong Bình Đẳng Tùy Thuận Nhất Thiết Chúng Sinh Hồi Hương. Đầy đủ mười loại tự tại cho nên có thể tùy thuận. Mười loại tự tại như Địa thứ tám phân rõ.



(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 56 trong kinh).

**Hồi hướng thứ tám:** Dụng của mười loại vô ngại, tức là Hạnh trong Chân Như Tướng Hồi Hướng. Bởi vì Như không có chướng ngại đối với Chân Như, cho nên quả ở phần vị ấy nói: Trú vào phần vị này, đạt được bình đẳng của tất cả quốc độ... Bình đẳng tức là nhân của vô ngại, cũng là nghĩa của vô ngại. Lại nói: Đạt được thân viên mãn vô lượng của Phật, một thân đầy khắp tất cả thế giới. Tức là chính thức hiển bày về nghĩa của vô ngại. Trong văn có bốn tiết: Một- Tổng quát nêu lên mười chương; Hai- Từ “Phật tử, vân hà...” trở xuống là tổng quát đưa ra mười chương; Ba- Từ “Phật tử, Bồ-tát...” trở xuống là dựa vào chương riêng biệt giải thích; Bốn- Từ “Phật tử, như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận thành tựu về lợi ích.

**Tiết một-** Tổng quát nêu lên mười chương, có ba: Nêu lên-đưa ra và nêu ra tên gọi.

Vô ngại thì trước đây trình bày về tự tại, tức là tác dụng tự nhiên (Nhậm vận). Nay trình bày về Vô ngại là hiển bày tác dụng không có giới hạn.

Vả lại, Vô ngại có hai: 1- Trí; 2- Sự. Trong mười loại có bao gồm-có giới hạn, nhưng Pháp trí vô ngại phần nhiều chỉ dựa theo Trí, như Thân-Độ...; phần nhiều chỉ dựa theo Sự, như chúng sinh... Bao gồm Sự-Trí, nhưng Sự vô ngại thì nhất định bao gồm Trí, mà Trí vô ngại thì cảnh chứa hẳn bao gồm Sự.

**Tiết hai:** Là tổng quát đưa ra mười chương: Bởi vì đều là Dụng ngay nơi Thể, cho nên cùng nói là Dụng vô ngại. Nhưng mười loại Vô ngại đều bao gồm Tự lợi-Lợi tha, tạm thời dựa theo giáo hóa mà nói, loại thứ nhất là chúng sinh đã giáo hóa, loại thứ hai là nơi chốn giáo hóa, còn lại đều là chủ động giáo hóa, nghĩa là pháp giáo hóa-thân giáo hóa..., có thể dùng ý hiểu được.

Trong tiết ba là dựa vào chương riêng biệt giải thích, tức là mười đoạn, văn đều có bốn: Nêu lên, đưa ra, giải thích và kết luận.

**Đoạn 1:** Dụng của Chúng sinh đã giáo hóa vô ngại. Trong mười câu: Ba câu trước dựa theo Trí phân rõ về vô ngại: 1- Bởi vì hiểu rõ về tánh Không; 2- Bởi vì chỉ do tâm hiện rõ. Hai câu này là Thật Trí. 3- Nhận biết thời gian thuyết pháp, tức là Quyền Trí. Bảy câu còn lại dựa theo Sự vô ngại: 4- Bởi vì có thể hiện rõ chúng sinh; 5- Gần thì thu vào một mảy lông; 6- Xa thì thị hiện ở quốc độ khác. Bốn câu còn lại thị hiện về thân của vị Thượng Thủ.

**Đoạn 2:** Dụng của Quốc độ vô ngại. Trong mười loại: Nhận biết

về quốc độ vô tận bao gồm Trí-bao gồm Sự, bản kinh thời Tấn nói: “Phương tiện vô tận tiến sâu vào đối với tất cả quốc độ.” Kinh Độ Thế nói: “Đã tiến vào vô tận tất cả cảnh giới của chư Phật.” Điều bao gồm về Sự. Chín loại còn lại chỉ là Sự vô ngại. Sâu xa tức là quốc độ vi tế, còn lại đều có thể biết.

**Đoạn 3:** Dụng của Pháp vô ngại, nghĩa là đều dựa theo Trí đối với pháp vô ngại thuộc về tánh-tướng, có thể nhận biết mà thuyết giảng tự tại: 1- Một và nhiều ngay trong nhau-hòa vào nhau mà không làm hỏng căn bản. 2- Thật Trí sinh ra Quyền Trí. 3- Không có văn mà nêu ra văn. 4- Một tướng thuyết giảng về nhiều tướng. 5- Không có thuyết giảng mà thuyết giảng. 6- Một lời đầy đủ tất cả, nghĩa của Luân Tự giải thích ở phần Di-già. 7- Tất cả các môn thu nhận lẫn nhau. 8- Dùng Chân thu nhận Tục. 9- Không gian thì nhận biết vô biên. 10- Thời gian thì tận cùng giới hạn vị lai.

**Đoạn 4:** Dụng của Thân vô ngại, văn có thể biết.

**Đoạn 5:** Dụng của Ngôn vô ngại, văn có thể biết.

**Đoạn 6:** Dụng của Cảnh giới vô ngại, nghĩa là ở trong mười loại cảnh giới thù thắng-yếu kém trái ngược nhau này, đối với thù thắng hiện rõ yếu kém xoay vòng chuyển đổi vô ngại. Đây là cảnh giới thuộc phạm vi giới hạn của Bồ-tát, văn cũng có thể biết.

**Đoạn 7:** Dụng của Trí vô ngại: Trước đây tuy cũng có Trí mà đều thâm nhiếp thuận theo chủng loại căn bản, nay thì luôn luôn phân rõ về Dụng của Trí. Nhưng Trí không có khác nhau, nhờ vào pháp mà hiển bày riêng biệt thì lấy pháp thuận theo Trí, pháp trước đây vô ngại thì lấy Trí thuận theo pháp.

Trong mười loại: Hai loại đầu là Trí chủ động giáo hóa. Ba loại tiếp là Trí nhận biết thụ động giáo hóa. Loại thứ 6 là hướng lên trên tiến vào Trí Phật. Sáu loại trước đều là Quyền Trí. Loại thứ 7-thứ 8 là Trí thuộc về Quyền-Thật vô ngại. Hai loại sau là Trí thuộc về Sự-Sự vô ngại.

**Đoạn 8:** Dụng của Thần thông vô ngại: 1- Thần thông của vô số Sắc thân. 2- Thiên nhĩ. 3- Tha tâm. 4- Phân biệt về ngôn từ. 5- Túc trí thông, kinh Độ Thế gọi là thấy rõ đời trước. 6: Thần thông đi đến tất cả các quốc độ của Phật, trang nghiêm chính là nghĩa riêng biệt trong ấy. 7- Thần thông về kiếp vị lai, trước đã trình bày về quá khứ, cho nên bao gồm nêu ra ba đời. 8- Tức là Trí thông về tất cả các pháp, bởi vì kinh Độ Thế nói: “Hạnh của tất cả chư Phật Bồ-tát đã kiến lập, ánh sáng thuyết giảng giáo pháp mà soi chiếu rực rỡ, tức là ánh sáng của giáo pháp soi

chiếu pháp Phật.” 9- Tức là Thiên nhãn, kinh Độ Thế nói: “Bởi vì thấy biết tất cả mọi việc, nghĩa là thấy có những việc làm mà che chở.” 10- Dựa theo bản kinh thời Tấn nói: “Phật tử! Tóm lược thuyết giảng về Thần thông tự tại của Bồ-tát bình đẳng quán sát tất cả các pháp.” Đây chính là tất cả các pháp Diệt tận, Tam-muội, Thần thông bình đẳng tịch diệt. Vì vậy kinh Độ Thế nói: “Bồ-tát bình đẳng vắng lặng các âm thanh, là dùng những âm thanh bình đẳng vắng lặng để điều phục chúng sinh.” Nay văn sót mất, trong văn này tóm lược nêu ra không đầy đủ tất cả, ý chính không khác nhau, như phẩm Thập Thông phân rõ.

**Đoạn 9:** Dụng của Thần lực vô ngại: Thần thông phần nhiều dựa theo Dụng bên ngoài không có che lấp, Thần lực phần nhiều dựa theo bên trong vốn có năng lực thực hiện.

Trong mười loại ấy phần nhiều dựa theo một mảy lông hàm chứa thâm nhiếp..., đây tức là Thân lực, sau là Trí lực. Nếu dùng Thông thâm nhiếp Lực, thì mười loại Thần lực chỉ là một Thần túc thông mà thôi. Thông-Lực đã phân ra hai loại khác nhau, cho nên trong mười Thông ít nói về Thần cảnh.

**Đoạn 10:** Dụng của Lực vô ngại: Bởi vì Lực của Bi-Trí đều vô ngại, cũng có Dụng của Sự, vô ngại thuận theo nhiều mà nói.

Trong tiết bốn là tổng quát kết luận thành tựu về lợi ích, muốn thành tựu-không thành tựu, đã đạt được vô ngại, đạt được quả không rời bỏ nhân, càng hiển bày về Vô ngại.

**Hồi hướng thứ chín:** Từ “Du hý...” trở xuống có ba môn, trình bày về Hạnh trong Vô Phược Vô Trước Giải Thoát Hồi Hướng, Hồi Hướng ấy có trăm môn, mở rộng hiển bày về giải thoát không có ràng buộc đấm trước, mà thành tựu Trí Dụng tự tại của Phổ Hiền. Nay tóm lược trong ba môn: Môn 1- Hạnh thành tựu nhờ vào chí nguyện, qua lại thưởng thức tự tại; môn 2- Trình bày về cảnh giới khó suy lường; môn 3-Trình bày về Trí Dụng có năng lực thực hiện, đều bởi vì không có ràng buộc đấm trước.

**Môn 1-** Trong mười câu thâm nhiếp làm thành năm cặp: Một- Y báo và Chánh báo, tạp nhiễm và thanh tịnh, tác thành lẫn nhau mà đều không làm hỏng tướng vốn có, chính thức hiển bày về nghĩa của Du hý, như thế gian thỏa lòng đi lại đùa vui mà không có gì tổn hại thay đổi, nơi khác đều dựa theo đây. Hai- Đại thừa và Tiểu thừa hiện rõ lẫn nhau. Ba- Nhân và quả hiện rõ lẫn nhau. Bốn- Sinh tử và Niết-bàn hiện rõ lẫn nhau. Năm- Định và tán tự tại, nghĩa là trước ngay trong Định khởi Dụng mà luôn luôn Định, sau ngay trong Dụng tiến vào Định mà luôn

luôn Dụng.

*Môn 2-* Cảnh giới khó suy lường, bao gồm hai loại cảnh: Một-Tức là cảnh hiện hành của Du hý, bản kinh thời Tấn gọi là Thắng hạnh; hai-Tức là cảnh thuộc phạm vi giới hạn, nghĩa là ẩn hiện vô ngại chỉ là năng lực của Bồ-tát.

Trong mười câu: Ba câu trước bao gồm cảnh hiện hành, bảy câu sau đều là cảnh thuộc phạm vi giới hạn.

*Môn 3-* Công năng của Trí thuộc mười Lực. Trong mười câu: Bảy câu trước là Lực thuộc Tự phần, ba câu sau là Lực thuộc Thắng tiến.

Trong bảy câu trước: Ba câu đầu là Tự lợi: 1- Luôn luôn mong cầu sâu xa, giải thích bởi vì không xen tạp; 2- Mong cầu sâu xa về pháp Phật, pháp Phật tức là tăng thượng; 3- Những việc làm đến cuối cùng, là nhờ có phương tiện khéo léo. Hai câu tiếp là Lợi tha, hai câu sau bao gồm Tự lợi-Lợi tha. Còn lại có thể biết.

**Hồi hướng thứ mười:** Từ “Thập vô úy...” trở xuống có bốn môn, trình bày về Hạnh trong Pháp Giới Vô Lượng Hồi Hướng, phân ra làm ba: Môn đầu trình bày về thiện căn đã hồi hướng; môn tiếp trình bày về Thể của Hạnh pháp giới; hai môn sau trình bày về đức đã thành tựu.

*Môn 1-* Chính là thiện căn vô úy thuộc về Pháp thí, tức là đức của thuyết pháp.

Trong mười loại: 1- Vô úy thuộc về Văn trì. 2- Vô úy thuộc về biện tài. Hai loại trên là không sợ không có năng lực giải đáp chất vấn. 3- Vô úy thuộc về hai Không, bởi vì hiểu rõ thông suốt về hai Không, không sợ vọng niệm. 4- Vô úy thuộc về oai nghi đầy đủ. 5- Vô úy thuộc về ba nghiệp không có lỗi lầm. Hai loại trên là không sợ người khác chê trách. 6- Vô úy thuộc về bảo vệ bên ngoài, bởi vì không sợ ma quân-ngoại đạo. 7- Vô úy thuộc về Chánh niệm, bởi vì không sợ quên lãng. 8- Vô úy thuộc về phương tiện, bởi vì không sợ sinh tử, như người khéo léo sửa sang con thuyền không sợ hoạn nạn giữa biển. 9- Vô úy thuộc về tâm Nhất thiết trí, bởi vì không sợ Nhị thừa. 10- Vô úy thuộc về Hạnh đầy đủ, bởi vì không sợ không có năng lực giáo hóa chúng sinh.

*Môn 2-* Pháp bất cộng, chính thức trình bày về Thể của Hạnh pháp giới, bởi vì xứng với pháp giới mà khởi Hạnh, khác biệt với phàm phu-Tiểu thừa. Lại tổ ngộ không nhờ vào người khác, cũng không phải là giống với người khác.

Trong mười loại: 1- Hạnh thuộc về Tự lợi. 2- Hạnh thuộc về Hóa tha. 3- Hạnh thuộc về hướng lên trên mong cầu. 4- Hạnh thuộc về khéo

léo, trong đó có năm: Một- Khéo léo lia xa Nhị thừa; Hai- Từ “Thiện năng...” trở xuống là khéo léo tu tập Tam-muội; Ba- Từ “Vãng lai...” trở xuống là khéo léo thuận theo thế gian; Bốn- Từ “Tuy hiện...” trở xuống là khéo léo trú trong các Thừa; Năm- Từ “Tuy niệm niệm...” trở xuống là khéo léo tận cùng nhân quả. 5- Hạnh cùng hiện hành khác biệt, có nêu lên-giải thích và kết luận, có thể biết. 6-Hạnh thực hành banghiệp tùy theo Trí tuệ. 7- Hạnh Đại Bi chịu khổ thay cho người khác. 8- Hạnh Đại Từ thâm nhiếp chúng sinh. 9- Hạnh thuộc về Tự-Tha thanh tịnh kiên cố, hồ nước mùa Xuân của Niết-bàn có thể thuyết giảng ở trong đó. 10- Hạnh luôn luôn tu tập đầy đủ phần vị.

Trong hai môn 3-4 từ “Thập chủng nghiệp...” trở xuống, trình bày về đức đã thành tựu: Môn 3- Trình bày về nghiệp dụng, mười câu có thể biết. Môn 4- Mười Thân hiển bày về đạt được Thể ấy, nhưng hoặc là Thân hay là Nghiệp đều vô lượng giống như pháp giới, sơ lược nêu ra mười mà thôi.

Mười Thân trong này so với mười Thân trong Hạnh thứ chín, giống nhau trên đại thể chỉ khác nhau ở chi tiết. Nghĩa là ở đây không đến-không đi, tức là không sinh-không diệt ở Hạnh ấy. Ở đây là không thật-không hư, tức là không thật-không vọng ở Hạnh ấy. Ở đây là kiên cố không tận cùng, tức là không chuyển dời-không hư hoại ở Hạnh ấy. Không chuyển dời thì không gian không có chuyển biến thay đổi, không tận cùng thì thời gian nói ra không có cuối cùng. Trong này không lay động, tức là một tướng ở Hạnh ấy. Kinh Văn Thù Bát Nhã nói: “Pháp giới không lay động, pháp giới tức là một tướng, do đạt được một tướng mà ma quân không thể nào làm cho lay động.” Ở đây là thân đầy đủ tướng, tức là tiến vào tất cả thế giới ở Hạnh ấy. Ở đây là thân của các cõi không có tướng, cùng tên gọi là thân rộng khắp mọi nơi, tức là tiến vào tất cả thế giới không phải thân của cõi ở Hạnh ấy. Còn lại như trong Thập Hạnh phân rõ.

Trên đây là phần vị Hồi Hưởng, xong.

**Đoạn 5:** Từ “Thập chủng thân nghiệp...” trở xuống có năm mươi môn, giải đáp năm mươi câu hỏi, trình bày về tướng của Hạnh trong phần vị Thập Địa.

Cổ đức phân làm bốn: Một- Có mười hai môn trình bày về Hạnh thù thắng của ba nghiệp trong Thập Địa, dựa vào Địa thứ nhất; Hai- Từ “Thập chủng cần tu...” trở xuống có chín môn, trình bày về Hạnh lia xa chướng thành tựu tu, dựa vào Địa thứ hai-thứ ba; Ba- Từ “Thập chủng ly sinh đạo...” trở xuống có chín môn, trình bày về Hạnh thuần thực thành

tự tu, dựa vào phần vị Địa thứ tư trở lên; Bốn- Từ “Thập chủng túc...” trở xuống có hai mươi môn, trình bày về Hạnh viên mãn của tướng thuộc Báo, dựa vào phần vị Địa thứ tám trở lên.

Cách giải thích này hãy còn hơi gượng, vẫn chưa hết lý. Nay cũng dựa vào thứ tự phân ra để phối hợp với Thập Địa: Địa thứ nhất có mười môn, tám Địa tiếp theo dần dần lược bớt, bởi vì xu thế của văn như vậy, nghĩa là Địa thứ hai có sáu môn, Địa thứ ba-thứ tư đều có năm môn, Địa thứ năm có hai môn, Địa thứ sáu có một môn, Địa thứ bảy-thứ tám đều có ba môn, Địa thứ chín có hai môn, Địa thứ mười có mười ba môn, đến văn sẽ biết.

**Địa thứ nhất:** Có mười môn, trình bày về Hạnh trong Hoan Hỷ Địa.

Nếu sơ lược về tướng để phân biệt, thì toàn bộ làm thành ba đoạn: Hai môn đầu dựa theo Thân, bốn môn tiếp phân rõ về Ngũ, bốn môn sau trình bày về Ý, tổng quát hiển bày về ba nghiệp thù thắng của Địa thứ nhất.

Nếu thuận theo văn ấy, thì lại phân làm hai: Trước có chín môn trình bày về Hạnh trong phần vị bất đầu trú vào Địa, sau có một môn trình bày về Hạnh trong phần vị an trú của Địa.

Trong tiết trước có chín môn, phân bốn tiết: Một- Có sáu môn trình bày về dựa vào Thân nào? Hai- Một môn về Tâm phân rõ về dùng nhân nào? Ba- Một môn Phát tâm trình bày là vì nghĩa gì? Bốn- Một môn rộng khắp tất cả hiển bày về có tướng gì?

**Tiết một-** Có sáu môn, phân hai: Hai môn trước dựa theo Thân phân rõ về Thân, bốn môn sau dựa vào Ngũ phân rõ về Thân, bởi vì Ngũ thuộc về Thân, đều là do thiện căn gieo trồng sâu xa thâm nhiếp.

Trong hai môn trước, phân hai: Môn 1- Dựa theo nghiệp dụng của Sắc thân để trình bày về Thân, có mười câu có thể biết. Môn 2- Có mười loại Thân, dựa theo Tự Thể của pháp môn để trình bày về Thân, cho nên chỉ nói là Thân. Trong mười loại: Độ thâm nhiếp Phước-Trí..., tức là thiện căn gieo trồng sâu xa tích tập về Trợ đạo... trước đây, có phỏng theo tóm lược lẫn nhau.

Trong bốn môn sau là dựa vào Ngũ phân rõ về Thân, bốn môn đều là thiện căn đã gieo trồng, thì biết văn ấy tuy không có mà nghĩa đã bao gồm có. Nếu hoàn toàn khác với văn ấy thì lẽ nào là Hạnh ấy? Nếu hoàn toàn giống với văn ấy thì đâu cần trở lại giải thích? Bởi vì văn ấy, trong từng tiết đều nói đến. Nếu mở rộng giải thích thì không thể cùng tận, chỉ khác nhau ở chi tiết. Bốn môn tức là phân làm bốn:

*Môn 1-* Mười loại Ngữ, trình bày về Thể-Dụng của Ngữ. Nếu dựa theo ngăn chặn để giải thích thì trong mười loại: 1- Lìa bỏ lời nói thô ác. 2- Lìa bỏ lời nói hai lưỡi. Hai loại tiếp là lìa bỏ lời nói dối gạt, một là thô, hai là tế. Sáu loại còn lại là lìa bỏ lời nói thêu dệt. Nếu dựa theo biểu hiện để giải thích thì mười loại ấy đều hiển bày một đức.

*Môn 2-* Mười loại Ngữ về tu tập thanh tịnh, hiển bày về nhân của Ngữ thanh tịnh: Hai loại đầu là thân nhiếp về pháp, hai loại tiếp là lìa xa lỗi lầm, hai loại tiếp là thân nhiếp điều thiện, hai loại tiếp là Pháp thí, hai loại sau là thực hành cầu pháp. Do mười sự việc này mà có thể khiến cho Ngữ thanh tịnh.

*Môn 3-* Mười vị vua bảo vệ, tức là quả của Ngữ thanh tịnh. Phát ra lời nói tốt lành ấy, chốn U minh còn thuận theo, hưởng hồ loài người hay sao? Nhưng trong Địa Kinh nói Thiện tri thức khéo léo bảo vệ Ý, tất cả do các điều thiện, không chỉ do Ngữ; kinh Độ Thế cũng không theo trước.

*Môn 4-* Mười loại Đại sự: Theo kinh thì bên trong là thiện-bên ngoài che chở, mà có thể thành tựu những việc làm. Nhưng theo Địa Kinh thì khéo léo tích tập pháp thiện, khéo léo thanh tịnh tâm sâu xa. Nghĩa trong các câu còn lại cũng không chỉ thuận theo với Ngữ. Nhưng đều thuận theo là dùng Ngữ để ví dụ các loại khác, đối với Lý không có gì sai. Mười câu đều bao gồm Tự lợi-Lợi tha, văn tướng cũng hiển bày rõ ràng.

**Tiết hai-** Mười loại Tâm, là trình bày về dùng nhân nào? Dùng Đại Bi làm đầu mà bình đẳng gánh vác tất cả.

Trong mười loại: 1- Tâm gánh vác, bởi vì tâm như mặt đất gánh vác bốn trọng trách. 2- Tâm sâu rộng, bởi vì bao hàm không có gì ở ngoài. 3- Tâm thù thắng. 4- Tâm thanh tịnh. 5- Tâm sắc bén. 6- Tâm kiên cố. 7- Tâm không có tạp nhiễm. 8- Tâm hiếm có. 9- Tâm trí tuệ. 10-Tâm vô biên. Tất cả đều nói về Thể của Tâm.

**Tiết ba-** Mười loại Phát tâm, là trình bày vì nghĩa gì? Bởi vì hướng lên trên mong cầu, hướng xuống dưới giáo hóa, mà phát khởi về Dụng siêu việt thù thắng. Mười câu có thể biết.

**Tiết bốn-** Mười loại tâm rộng khắp tất cả, trình bày về có tướng gì? Bởi vì vượt qua địa vị phạm phu mà tiến vào trong pháp Chân Như.

Trong mười câu: 1- Tổng quát trình bày về Bi rộng-Trí lớn, mệnh môn như hư không. 2- Trí phù hợp rất sâu xa. Còn lại đều có thể biết.

Trong tiết sau có mười loại Căn, tức là Hạnh trong phần vị an trú của Địa. Do Hạnh bắt đầu trú vào trước đây, khiến cho Dụng thù thắng

này tăng thượng đều sáng ngời rõ ràng, cho nên gọi là Căn.

Trong mười câu phân ba: Một câu đầu là thành tựu về Tín. Sáu câu tiếp là thành tựu về tu hành, trong đó: 1- Căn vui thích, tức là gần với pháp an lạc, bởi vì nghe nhiều cho nên có thể quán sát đúng đắn. 2- Không lui sụt, tức là không đắm theo danh lợi, bởi vì ở trong Tam-muội cũng không có ái trước và tham cầu. 3- An trú, là bởi vì vạn hạnh niệm niệm hiện rõ trước mắt. 4 và 5- Bi Trí không gián đoạn. Các câu trên đều là Giáo đạo. 6- Tức là tu tập Chứng đạo. Ba câu sau tức là thành tựu về hồi hướng: 1- Tổng quát mong cầu về Trí của tất cả các Địa, tức là Trí Kim Cang soi chiếu xuyên suốt pháp tánh. 2- Riêng biệt mong cầu về Pháp thân. 3- Mong cầu về thân công đức, nghĩa là mười Lực...

**Địa thứ hai:** Từ “Thập chủng thâm tâm...” trở xuống có sáu môn, trình bày về Hạnh trong Địa thứ hai, trong đó có hai: Đầu là hai môn trình bày về phát khởi mười loại tâm sâu xa thanh tịnh, sau là bốn môn trình bày về Tự Thể thanh tịnh.

Trong hai môn đầu: Môn 1- Tự phần, thẳng thắn trình bày về tâm sâu xa, môn 2- Thắng tiến, tăng thượng hơn nữa.

*Môn 1-* Bản kinh thời Tấn và Luận đều gọi là Trực tâm. Nhưng tâm sâu xa có hai nghĩa: Một- Thiết tha sâu nặng đối với pháp gọi là sâu xa, tức là vui thích tu tập Hạnh thiện; Hai- Phù hợp với Lý gọi là sâu xa, bởi vì tiến sâu vào Lý.

Nếu nói về Trực tâm thì chỉ có nghĩa sau, bởi vì Chánh niệm về pháp Chân Như.

Nay văn đầy đủ hai nghĩa: Một- Do khế lý; Hai- Do tu hành. Bảy câu tiếp là mở rộng về nghĩa khế lý nói trên. Một câu sau là hiển bày về nghĩa tu hành trước đây.

*Môn 2-* Tâm sâu xa tăng thượng tức là Thắng tiến, bởi vì hướng lên trên mong cầu mà càng thiết tha sâu nặng. Trong mười câu cũng có bốn: Một- Môn vui thích tu tập Hạnh thiện. Hai- Nêu lên phù hợp với Lý. Ba câu tiếp là thành tựu lìa xa nghi ngờ trước đây: 1- Nêu ra nhân của thành tựu; 2- Làm sáng tỏ về tiến vào thành tựu; 3- Thành tựu đức tự tại. Năm câu sau là thành tựu thiện căn tích tập trước đây.

Trong bốn môn sau-Từ “Thập chủng cần tu...” trở xuống, trình bày về Hạnh trong Tự Thể thanh tịnh. Tự Thể ấy dựa theo Hạnh riêng biệt của Địa, chỉ trình bày về Giới, mà có ba Tự. Nay văn phân hai:

Một- Một môn bao gồm tu tập mười Độ, tức là Nhiếp thiện pháp giới, Nhiếp luật nghi giới cũng ở trong đó, bởi vì Địa hướng về với nhau là đầu tiên của phần vị tu tập, cho nên chỉ gọi là Cần Tu (Chịu khó tu



tập), bản kinh thời Tấn gọi là Phương tiện, là phương tiện do tu tập mà khởi lên.

Hai- Từ “Quyết định giải...” trở xuống có ba môn, trình bày về Hạnh trong Nhiêu ích hữu tình giới: Môn 1- Tổng quát hiển bày về Trí, quyết định khởi lên hiểu biết thù thắng đối với các pháp thiện, Địa Kinh dựa theo Giới chỉ giải thích về mười thiện, bản kinh thời Tấn gọi là vui thích tu tập, bởi vì có hiểu biết quyết định, cho nên vui thích tu tập. Môn 2- Hiểu biết về thế giới. Môn 3- Hiểu biết về chúng sinh. Văn tương đều hiển bày rõ ràng.

